

## **Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



# Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 45

2024  
KZ  
C  
11/2

# Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 12 tháng 11 năm 2021.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Kinh doanh vận tải hàng hóa, gia công cơ khí, sửa chữa máy móc, thiết bị và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy Lavinafoods Nhà máy đường, điện Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn Bá Thước	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Thị trấn Cảnh Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Nguyên liệu – Giồng mía Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn Nhà máy đường phèn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Thị trấn Sao Vàng, Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Tân	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 11 năm 2021
	Phó Chủ tịch	Đến ngày 6 tháng 11 năm 2021
Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 6 tháng 11 năm 2021
Ông Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 11 năm 2021
	Thành viên	Đến ngày 6 tháng 11 năm 2021
Bà Lê Thị Huệ	Thành viên Thường trực HĐQT	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 11 năm 2021
Ông Phùng Thanh Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Thanh Tân	Thành viên	

# Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 336 NQ/2021/ĐLS-ĐHĐCĐ ngày 6 tháng 11 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty, theo đó, Công ty không tiếp tục thực hiện mô hình Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị và sẽ áp dụng mô hình Ban Kiểm soát. Các thành viên Ban Kiểm toán nội bộ từ ngày 1 tháng 7 năm 2021 đến ngày 6 tháng 11 năm 2021 bao gồm:

Bà Lê Thị Huệ	Trưởng Ban
Ông Lê Huy Hùng	Phó ban
Ông Trịnh Đình Toán	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Tâm	Thành viên

## **BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên Ban Kiểm soát từ ngày 6 tháng 11 năm 2021 đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Huy Hùng	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 11 năm 2021
Ông Trịnh Đình Toán	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 11 năm 2021
Ông Nguyễn Thành Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 11 năm 2021

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Tân	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 6 tháng 11 năm 2021
Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 11 năm 2021
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc thường trực	
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Bá Chiểu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Ngọc Quý	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Xuân Lam	Phó Tổng Giám đốc	

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 7 năm 2021 đến ngày 5 tháng 11 năm 2021 là Ông Lê Văn Tân và từ ngày 6 tháng 11 năm 2021 đến ngày lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tân, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Lê Văn Phương đã được Ông Lê Văn Tân ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo theo Giấy Ủy quyền số 37 UQ/ĐLS – TCKT ngày 26 tháng 1 năm 2022.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đề ngày 1 tháng 3 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc  
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2022

Số tham chiếu: 61060845/22928768/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty"), được lập ngày 1 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 45, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Tỉnh Xuân Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

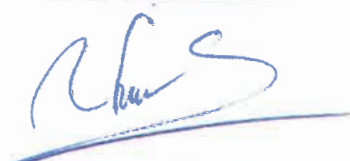
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>837.212.808.181</b>	<b>792.845.036.022</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>26.013.288.905</b>	<b>15.070.086.958</b>
111	1. Tiền		26.013.288.905	15.070.086.958
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>303.048.618.470</b>	<b>388.689.891.170</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	81.738.865.387	133.735.286.127
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	175.505.496.078	165.522.185.617
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	30	28.607.000.000	28.257.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	39.723.610.145	82.792.237.916
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(22.526.353.140)	(21.616.818.490)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>450.555.426.794</b>	<b>385.192.529.095</b>
141	1. Hàng tồn kho		463.022.601.449	389.736.158.079
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(12.467.174.655)	(4.543.628.984)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>57.595.474.012</b>	<b>3.892.528.799</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	57.595.474.012	3.892.528.799
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.642.830.552.967</b>	<b>1.669.897.066.244</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>25.706.643.534</b>	<b>-</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	25.706.643.534	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.001.249.408.050</b>	<b>1.067.350.285.122</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	957.984.896.140	1.036.913.430.136
222	Nguyên giá		2.661.160.889.641	2.660.282.935.096
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.703.175.993.501)	(1.623.369.504.960)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	43.264.511.910	30.436.854.986
228	Nguyên giá		54.469.472.131	41.498.657.235
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(11.204.960.221)	(11.061.802.249)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>301.651.852.109</b>	<b>269.403.152.489</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	301.651.852.109	269.403.152.489
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>276.928.560.232</b>	<b>289.343.431.344</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		268.025.038.981	268.025.038.981
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		21.500.000.000	21.500.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.251.145.800	5.251.145.800
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(47.847.624.549)	(35.432.753.437)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		30.000.000.000	30.000.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>37.294.089.042</b>	<b>43.800.197.289</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	37.294.089.042	43.800.197.289
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.480.043.361.148</b>	<b>2.462.742.102.266</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>887.871.740.192</b>	<b>918.106.460.191</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>800.503.181.298</b>	<b>792.413.948.081</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	83.699.419.725	110.487.699.466
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	106.919.653.840	49.217.440.442
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	6.742.857.048	17.777.226.777
314	4. Phải trả người lao động		8.742.245.667	10.192.964.902
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	85.483.932.837	59.186.259.102
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	5.224.998.566	5.604.448.281
320	7. Vay ngắn hạn	18	500.587.719.884	539.117.755.293
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	3.102.353.731	830.153.818
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>87.368.558.894</b>	<b>125.692.512.110</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	39.000.000.000
337	2. Phải trả dài hạn khác	17	41.433.260.093	41.433.260.093
338	3. Vay dài hạn	18	16.335.000.000	14.535.000.000
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	20	29.600.298.801	30.724.252.017
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.592.171.620.956</b>	<b>1.544.635.642.075</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>1.566.838.217.300</b>	<b>1.521.819.901.130</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		700.000.000.000	700.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		700.000.000.000	700.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		191.455.332.801	181.855.673.009
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	(25.442.046.725)
418	4. Quỹ đầu tư và phát triển		582.756.412.747	580.200.492.310
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		92.626.471.752	85.205.782.536
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		80.093.727.911	59.646.578.164
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		12.532.743.841	25.559.204.372
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>22</b>	<b>25.333.403.656</b>	<b>22.815.740.945</b>
431	1. Nguồn kinh phí		6.463.654.975	2.639.654.975
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		18.869.748.681	20.176.085.970
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.480.043.361.148</b>	<b>2.462.742.102.266</b>



Người lập  
Hồ Thị Hậu



Kế toán trưởng  
Đỗ Thị Thanh Hà



Tổng Giám đốc  
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	735.499.298.674	468.062.219.397
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	24	735.499.298.674	468.062.219.397
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	661.133.555.598	426.454.477.164
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		74.365.743.076	41.607.742.233
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		3.742.144.805	1.725.062.009
22	7. Chi phí tài chính	26	19.746.217.031	8.296.103.185
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4.285.055.974	6.769.730.182
25	8. Chi phí bán hàng	27	24.212.429.830	14.160.142.660
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	18.701.885.853	14.314.588.075
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		15.447.355.167	6.561.970.322
31	11. Thu nhập khác		4.563.624	3.501.347.449
32	12. Chi phí khác		170.181.576	2.598.654.433
40	13. (Lỗ)/lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]		(165.617.952)	902.693.016
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		15.281.737.215	7.464.663.338
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	2.748.993.374	1.636.530.048
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51]		12.532.743.841	5.828.133.290



Người lập  
Hồ Thị Hậu



Kế toán trưởng  
Đỗ Thị Thanh Hà



Tổng Giám đốc  
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>15.281.737.215</b>	<b>7.464.663.338</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		32.746.206.781	21.515.159.594
03	Các khoản dự phòng		21.247.951.433	1.078.932.265
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.863.183.284)	(5.199.364.033)
06	Chi phí lãi vay	26	4.285.055.974	6.769.730.182
07	Các khoản điều chỉnh khác		-	(800.000.000)
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>71.697.768.119</b>	<b>30.829.121.346</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		43.897.212.462	(13.308.100.904)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(73.286.443.370)	(17.283.726.778)
11	Tăng các khoản phải trả		24.173.437.859	54.773.913.527
12	Tăng chi phí trả trước		(2.424.418.131)	(26.402.655.146)
14	Tiền lãi vay đã trả		(3.987.247.858)	(7.089.251.018)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.196.714.226)	(3.438.332.832)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		9.524.000.000	4.403.800.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.983.720.525)	(4.263.997.915)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>58.413.874.330</b>	<b>18.220.770.280</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(51.861.112.495)	(86.598.810.033)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	7.000.000.000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(350.000.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.137.000.000	
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.295.183.284	1.700.167.789
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(45.778.929.211)</b>	<b>(77.898.642.244)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ, nhận vốn góp chủ sở hữu		35.041.706.517	-
33	Tiền thu từ đi vay		584.793.634.854	535.701.893.505
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(621.523.670.263)	(482.576.515.964)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(3.414.280)	(268.872.960)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		(1.691.743.172)	52.856.504.581
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		10.943.201.947	(6.821.367.383)
60	Tiền đầu kỳ		15.070.086.958	21.977.130.971
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền cuối kỳ	4	26.013.288.905	15.155.763.588



Người lập  
Hồ Thị Hậu



Kế toán trưởng  
Đỗ Thị Thanh Hà



Tổng Giám đốc  
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 12 tháng 11 năm 2021.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Kinh doanh vận tải hàng hóa, gia công cơ khí, sửa chữa máy móc, thiết bị và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy Lavinafoods	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường, điện	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn Bá Thước	Thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Nguyên liệu – Giồng mía	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn	Thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường phèn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 609 người (ngày 30 tháng 6 năm 2021: 654 người).

***Tính chất mùa vụ đối với hoạt động sản xuất của Công ty***

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp, trong đó chủ yếu là các sản phẩm từ đường. Doanh thu các sản phẩm từ đường chiếm tỷ trọng 95,95% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ. Sản xuất đường có tính mùa vụ theo thời gian của mùa vụ trồng và thu hoạch mía, thường bắt đầu từ tháng 9 và kết thúc vào tháng 3. Theo đó, các hoạt động sản xuất chính liên quan trực tiếp đến sản phẩm đường của Công ty thường phát sinh trong giai đoạn này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)**

***Cơ cấu tổ chức***

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 7 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích, tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong các công ty con này như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong kỳ</i>
1	Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn (*)	43,59%	90%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất phân bón, kinh doanh dịch vụ vận tải, san lấp mặt bằng, kinh doanh các dịch vụ nông nghiệp
2	Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt và chăn nuôi
3	Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	100%	100%	Huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước (**)	100%	100%	Huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp
5	Công ty TNHH Một thành viên Thành An – Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
6	Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, nghiên cứu và chế biến các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao
7	Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Kinh doanh, xuất nhập khẩu đường, các sản phẩm sau đường và các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao

(\*) Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty này là 43,59%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty vẫn nắm giữ đa số thành viên trong Hội đồng Quản trị của công ty này và theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty vẫn giữ quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn và tiếp tục ghi nhận khoản đầu tư vào công ty này là khoản đầu tư vào công ty con.

(\*\*) Công ty con này đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục cần thiết để chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty trách nhiệm hữu hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## **2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

### **2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn là công ty mẹ và có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 vào ngày 1 tháng 3 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để thu thập đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

### **2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### **2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### **2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm nay và kết thúc ngày 30 tháng 6 năm sau.

### **2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài và tiền thuê trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các quyền sử dụng đất này được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

#### 3.6 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

##### *Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

##### *Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản và được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ tài chính như sau:

- ▶ Đối với các tài sản liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất mía đường, Công ty trích lập chi phí khấu hao theo phương pháp đường thẳng cho tất cả các tháng trong năm tài chính, ghi nhận vào Chi phí trả trước ngắn hạn và phân bổ đều vào chi phí sản xuất kinh doanh của các tháng mà nhà máy đường hoạt động, thông thường từ tháng 1 đến tháng 3 và tháng 11, tháng 12 của năm tài chính.
- ▶ Đối với các tài sản phục vụ cho hoạt động quản lý chung và các hoạt động kinh doanh khác, Công ty trích lập và ghi nhận chi phí khấu hao/hao mòn đều cho các tháng trong năm/kỳ tài chính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản được Công ty áp dụng như sau:

Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
Quyền sử dụng đất có thời hạn	20 - 50 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây xanh lâu năm	8 - 23 năm

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất với thời hạn từ 30 đến 35 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.13 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.14 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 *Quý phát triển khoa học và công nghệ*

Quý phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Nghị định 95/2014/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2014 và Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC do Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2016. Số tiền trích quỹ hàng kỳ được Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quý phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

#### 3.16 *Nguồn kinh phí sự nghiệp*

Nguồn kinh phí sự nghiệp là các khoản kinh phí được cấp bởi Ngân sách Nhà nước và được phê duyệt bởi các cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện các dự án, chương trình mục tiêu không vì mục đích lợi nhuận.

#### 3.17 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ tài chính hiện hành và các kỳ tài chính trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Thuế** (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại* (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.19 Thông tin theo bộ phận**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý và Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý.

**3.20 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Tiền mặt	2.445.048.843	78.398.224
Tiền gửi ngân hàng	<u>23.568.240.062</u>	<u>14.991.688.734</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>26.013.288.905</u></b>	<b><u>15.070.086.958</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	60.823.414.423	104.826.536.701
<i>Công ty TNHH Nước giải khát Suntory</i>		
<i>Pepsico Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh</i>	13.524.000.000	37.314.112.500
<i>Công ty TNHH Phương Huy Linh</i>	22.085.699.000	-
<i>Công ty TNHH Nước giải khát Suntory</i>		
<i>Pepsico Việt Nam – Chi nhánh Miền Trung</i>	5.678.148.000	-
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	19.535.567.423	67.512.424.201
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	20.915.450.964	28.908.749.426
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>81.738.865.387</b>	<b>133.735.286.127</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh số 7)	(6.996.432.206)	(6.086.897.556)

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Trả trước cho người bán ngắn hạn	156.155.760.966	144.132.552.218
<i>Trả trước tiền mua nguyên vật liệu cho hợp</i>		
<i>tác xã và hộ nông dân</i>	50.518.111.242	99.996.521.251
<i>Công ty TNHH Guangxi Laibin Pinguan</i>	13.037.580.044	25.879.010.088
<i>CZARNIKOW GROUP LIMITED</i>	61.353.822.351	6.139.627.000
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	31.246.247.329	12.117.393.879
Trả trước cho các bên liên quan ngắn hạn (Thuyết minh số 30)	19.349.735.112	21.389.633.399
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>175.505.496.078</b>	<b>165.522.185.617</b>
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7)	(6.856.735.628)	(6.856.735.628)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021		Ngày 30 tháng 6 năm 2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	12.837.829.434	-	37.170.116.627	-
Phải thu Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn	11.133.791.396	-	12.425.918.143	-
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	5.472.277.050	(169.125.000)	10.752.274.510	(169.125.000)
Các khoản cho vay không lãi suất	8.504.060.306	(8.504.060.306)	8.504.060.306	(8.504.060.306)
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần	-	-	4.137.000.000	-
Phải thu khác	1.775.651.959	-	9.802.868.330	-
	<b>39.723.610.145</b>	<b>(8.673.185.306)</b>	<b>82.792.237.916</b>	<b>(8.673.185.306)</b>
<b>Dài hạn</b>				
Phải thu Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	25.706.643.534	-	-	-
	<b>25.706.643.534</b>	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>65.430.253.679</b>	<b>8.673.185.306</b>	<b>82.792.237.916</b>	<b>8.673.185.306</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu khác</i>	2.840.225.706		15.996.817.674	
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	62.590.027.973		66.795.420.242	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Số đầu kỳ	21.616.818.490	14.842.259.617
Dự phòng trích lập trong kỳ	909.534.650	678.932.265
Số cuối kỳ	<u>22.526.353.140</u>	<u>15.521.191.882</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Dự phòng phải thu khách hàng ngắn hạn</i>	6.996.432.206	5.912.668.956
<i>Dự phòng trả trước người bán ngắn hạn</i>	6.856.735.628	1.104.462.620
<i>Dự phòng các khoản phải thu khác</i>	8.673.185.306	8.504.060.306

**8. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Thành phẩm	327.745.129.442	(10.866.283.887)	316.663.133.768	(2.942.738.216)
Hàng hóa	56.503.511.583	-	22.963.503.020	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	44.015.879.308	(1.600.890.768)	43.096.067.964	(1.600.890.768)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	33.028.388.534	-	5.471.627.344	-
Công cụ, dụng cụ	1.441.240.050	-	1.253.373.451	-
Hàng mua đang đi trên đường	288.452.532	-	288.452.532	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>463.022.601.449</b></u>	<u><b>(12.467.174.655)</b></u>	<u><b>389.736.158.079</b></u>	<u><b>(4.543.628.984)</b></u>

**Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Số đầu kỳ	4.543.628.984	3.279.619.142
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	8.373.963.221	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(450.417.550)	-
Số cuối kỳ	<u>12.467.174.655</u>	<u>3.279.619.142</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	535.095.270.306	2.061.493.333.619	42.793.876.685	20.367.064.486	533.390.000	2.660.282.935.096
- Mua trong kỳ	-	877.954.545	-	-	-	877.954.545
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	535.095.270.306	2.062.371.288.164	42.793.876.685	20.367.064.486	533.390.000	2.661.160.889.641
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	152.414.255.199	401.456.746.674	40.700.715.819	19.241.555.396	333.390.000	614.146.663.088
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>						
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	242.177.818.229	1.321.286.178.918	39.375.138.881	20.130.765.340	399.603.592	1.623.369.504.960
- Khấu hao trong kỳ	10.769.321.566	67.880.492.907	1.122.408.504	29.926.544	4.339.020	79.806.488.541
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	252.947.139.795	1.389.166.671.825	40.497.547.385	20.160.691.884	403.942.612	1.703.175.993.501
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	292.917.452.077	740.207.154.701	3.418.737.804	236.299.146	133.786.408	1.036.913.430.136
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	282.148.130.511	673.204.616.339	2.296.329.300	206.372.602	129.447.388	957.984.896.140

Công ty đã sử dụng bất động sản tại Mai Dịch, Hà Nội, một phần dây chuyền máy móc, thiết bị của Nhà máy Đường số 2, Nhà máy nước mía định dưỡng tế bào và một số máy móc, thiết bị khác làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Quyền sử dụng đất lâu dài</i>	<i>Quyền sử dụng đất có thời hạn</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>				
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	19.037.780.000	13.157.797.517	9.303.079.718	41.498.657.235
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	12.970.814.896	12.970.814.896
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>19.037.780.000</u>	<u>13.157.797.517</u>	<u>22.273.894.614</u>	<u>54.469.472.131</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	-	9.187.279.718	9.187.279.718
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	-	1.828.202.526	9.233.599.723	11.061.802.249
- Hao mòn trong kỳ	-	131.577.972	11.580.000	143.157.972
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	-	<u>1.959.780.498</u>	<u>9.245.179.723</u>	<u>11.204.960.221</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>19.037.780.000</u>	<u>11.329.594.991</u>	<u>69.479.995</u>	<u>30.436.854.986</u>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>19.037.780.000</u>	<u>11.198.017.019</u>	<u>13.028.714.891</u>	<u>43.264.511.910</u>

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Dự án Công viên sinh thái Thanh Tam	216.777.686.394	198.474.132.444
Dự án nước mía cô đặc	36.397.162.787	17.294.159.691
Dự án Trung tâm Công nghệ cao Lam Sơn	30.366.333.204	30.366.333.204
Dự án Trung tâm Chế biến nông sản công nghệ cao	12.688.917.750	8.004.864.248
Dự án Trầm Hương	5.421.751.974	5.262.485.568
Dự án khảo sát đánh giá và tư vấn giải pháp CNTT Lasuco	-	10.001.177.334
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>301.651.852.109</b></u>	<u><b>269.403.152.489</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021			Ngày 30 tháng 6 năm 2021		
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
<b>Đầu tư vào công ty con</b>						
Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	268.025.038.981	(26.347.624.549)	241.677.414.432	268.025.038.981	(13.932.753.437)	254.092.285.544
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	21.396.593.886	-	21.396.593.886	21.396.593.886	-	21.396.593.886
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn	1.395.000	-	13.950.000.000	13.950.000.000	-	13.950.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bà Thuước	1.350.000	(336.865.147)	13.163.134.853	13.500.000.000	(343.965.834)	13.156.034.166
Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	62.016.049.053	(18.070.761.726)	43.945.287.327	62.016.049.053	(11.400.000.000)	50.616.049.053
Công ty TNHH Một thành viên Thành An - Lam Sơn	8.300.000.000	-	8.300.000.000	8.300.000.000	-	8.300.000.000
Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn	139.000.000.000	-	139.000.000.000	139.000.000.000	-	139.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại và XNK Lam Sơn	9.862.396.042	(7.939.997.676)	1.922.398.366	9.862.396.042	(2.188.787.603)	7.673.608.439
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>						
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thủy Điện	2.150.000	21.500.000.000	(21.500.000.000)	21.500.000.000	(21.500.000.000)	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>						
Tổng Công ty Mía đường I	292.885	5.251.145.800	-	5.251.145.800	-	5.251.145.800
Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà	227.650	2.974.645.800	-	2.974.645.800	-	2.974.645.800
		2.276.500.000	-	2.276.500.000	-	2.276.500.000
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>						
		30.000.000.000	-	30.000.000.000	-	30.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>324.776.184.781</b>	<b>(47.847.624.549)</b>	<b>276.928.560.232</b>	<b>(35.432.753.437)</b>	<b>289.343.431.344</b>

Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết để thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty con, công ty liên kết cũng như các khoản đầu tư góp vốn khác do cổ phiếu của các đơn vị này chưa được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**12.1 Đầu tư vào các công ty con**

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1.

**12.2 Đầu tư vào các công ty liên kết**

Tên đơn vị	Tỷ lệ biểu quyết (%)	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	38,39%	38,39%
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển		

Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 012032000254 do Ban Quản lý Các khu Công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp vào ngày 20 tháng 9 năm 2007. Công ty này có trụ sở chính tại Lô CN-B3, Khu Công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển là sản xuất, pha chế và kinh doanh các sản phẩm rượu, đồ uống. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty nắm 38,39% vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

**12.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đây là khoản đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam với kỳ hạn 10 năm và đáo hạn vào ngày 29 tháng 10 năm 2029. Lãi suất của trái phiếu này được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng 1,2%/năm và được thanh toán hàng năm. Công ty đã sử dụng khoản trái phiếu này làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí khấu hao và kiểm tu chờ phân bổ (*)	54.480.165.195	-
Công cụ, dụng cụ	371.452.152	1.619.310.271
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.743.856.665	2.273.218.528
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>57.595.474.012</b>	<b>3.892.528.799</b>
<b>Dài hạn</b>		
Tiền thuê đất trả trước	28.974.806.280	29.576.294.138
Chi phí phát triển giống mía	5.598.639.788	11.197.279.577
Công cụ, dụng cụ	2.720.642.974	3.026.623.574
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>37.294.089.042</b>	<b>43.800.197.289</b>

(\*) Đây là chi phí khấu hao và kiểm tu của các tài sản cố định hữu hình liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất mía đường chưa phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh. Chi phí khấu hao này sẽ được phân bổ toàn bộ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong các tháng còn lại của năm tài chính mà nhà máy đường hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**14.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021		Ngày 30 tháng 6 năm 2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	35.113.220.509	35.113.220.509	76.156.727.178	76.156.727.178
Công ty TNHH Guangxi Nanning Qiaolong International Trading	8.440.391.140	8.440.391.140	16.230.700.882	16.230.700.882
Công ty TNHH SIG Combibloc	-	-	17.813.758.238	17.813.758.238
Phải trả người bán khác	26.672.829.369	26.672.829.369	42.112.268.058	42.112.268.058
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	48.586.199.216	48.586.199.216	34.330.972.288	34.330.972.288
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>83.699.419.725</b>	<b>83.699.419.725</b>	<b>110.487.699.466</b>	<b>110.487.699.466</b>

**Dài hạn**

Công ty TNHH Tân An	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải trả cho các bên liên quan dài hạn (Thuyết minh số 30)	-	-	37.000.000.000	37.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>39.000.000.000</b>	<b>39.000.000.000</b>

**14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	49.695.852.171	13.194.074.355
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Lam Sơn	19.000.000.000	455.150.000
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bình Minh	16.300.000.000	1.936.425.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	14.395.852.171	10.802.499.355
Bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 30)	57.223.801.669	36.023.366.087
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>106.919.653.840</b>	<b>49.217.440.442</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Thuế giá trị gia tăng	12.300.119.678	55.090.224.830	(63.330.376.918)	4.059.967.590
Thuế nhà thầu	360.744.652	338.374.036	(695.977.933)	3.140.755
Thuế nhập khẩu	-	20.505.918.889	(20.505.918.889)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 29)	5.023.179.571	2.748.993.374	(5.196.714.226)	2.575.458.719
Thuế thu nhập cá nhân	92.614.759	437.374.971	(426.327.974)	103.661.756
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.538.892.764	(1.538.892.764)	-
Các loại thuế khác	568.117	25.425.470	(25.365.359)	628.228
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.777.226.777</b>	<b>80.685.204.334</b>	<b>(91.719.574.063)</b>	<b>6.742.857.048</b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Chi phí vận chuyển mía	19.949.407.096	3.624.716.881
Chi phí lãi vay	911.725.353	613.917.237
Chi phí mua vật tư, nguyên liệu	11.984.676.034	341.360.100
Chi phí phải trả liên quan đến đường thô nhập khẩu	50.112.756.291	53.458.197.321
Các khoản chi phí phải trả khác	2.525.368.063	1.148.067.563
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>85.483.932.837</b>	<b>59.186.259.102</b>

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải trả cổ tức	2.381.955.590	2.385.369.870
Kinh phí công đoàn	582.295.946	209.724.546
Các khoản phải trả khác	2.260.747.030	3.009.353.865
	<b>5.224.998.566</b>	<b>5.604.448.281</b>
<b>Dài hạn</b>		
Quý khen thưởng	28.700.000.000	28.700.000.000
Phải trả tiền thưởng do vượt kế hoạch lợi nhuận	9.954.946.150	9.954.946.150
Phải trả tiền mua cổ phần	858.313.943	858.313.943
Phải trả dài hạn khác	1.920.000.000	1.920.000.000
	<b>41.433.260.093</b>	<b>41.433.260.093</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>46.658.258.659</b>	<b>47.037.708.374</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác</i>	17.958.258.659	36.224.448.281
<i>Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên     quan (Thuyết minh số 30)</i>	-	-
<i>Phải trả dài hạn khác cho các bên liên quan     (Thuyết minh số 30)</i>	10.813.260.093	10.813.260.093



## Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 18. VAY

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Trong kỳ		Ngày 31 tháng 12 năm 2021		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Vay ngắn hạn</b>							
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.2)	539.117.755.293	539.117.755.293	571.193.634.854	(609.723.670.263)	500.587.719.884	500.587.719.884	
	<b>539.117.755.293</b>	<b>539.117.755.293</b>	<b>571.193.634.854</b>	<b>(609.723.670.263)</b>	<b>500.587.719.884</b>	<b>500.587.719.884</b>	
<b>Vay dài hạn</b>							
Vay dài hạn bên liên quan	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000	
Vay dài hạn đối tượng khác (Thuyết minh số 18.1)	4.535.000.000	4.535.000.000	13.600.000.000	(11.800.000.000)	6.335.000.000	6.335.000.000	
	<b>14.535.000.000</b>	<b>14.535.000.000</b>	<b>13.600.000.000</b>	<b>(11.800.000.000)</b>	<b>16.335.000.000</b>	<b>16.335.000.000</b>	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>553.652.755.293</b>	<b>553.652.755.293</b>	<b>584.793.634.854</b>	<b>(621.523.670.263)</b>	<b>516.922.719.884</b>	<b>516.922.719.884</b>	

#### 18.1 Các khoản vay dài hạn đối tượng khác

Bên cho vay	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Công đoàn của Công ty	4.600.000.000	Gốc vay đáo hạn vào ngày 1 tháng 1 năm 2023. Lãi vay được thanh toán 6 tháng 1 lần.	5% - 7%	Tin chấp
Quỹ khuyến học Mía Đường Lam Sơn	1.000.000.000	Gốc vay đáo hạn vào ngày 14 tháng 12 năm 2023. Lãi vay được thanh toán tại thời điểm đáo hạn hợp đồng.	5,5%	Tin chấp
Ông Lê Xuân Bách	765.000.000	Gốc vay đáo hạn vào ngày 26 tháng 5 năm 2025. Lãi và gốc vay được thanh toán tại thời điểm đáo hạn hợp đồng.	Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.365.000.000</b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY (tiếp theo)**

**18.2 Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa	248.380.184.051	Kỳ hạn vay cho mỗi khách ước nhận nợ không quá 9 tháng, với khách ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 2 tháng 9 năm 2022. Lãi vay trả hàng tháng.	6%	Một số máy móc, thiết bị thuộc Nhà máy đường số 2, bất động sản tại Mai Dịch, Hà Nội và trái phiếu được phát hành bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam với tổng mệnh giá là 30 tỷ đồng.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	20.000.000.000	Kỳ hạn vay cho mỗi khách ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khách ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 28 tháng 4 năm 2022. Lãi vay trả hàng tháng.	6,5%	Máy ép thuộc Nhà máy nước mía dinh dưỡng tế bào.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thanh Hóa	110.240.209.158	Kỳ hạn vay cho mỗi khách ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khách ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 22 tháng 6 năm 2022. Lãi vay trả hàng tháng.	6,2%	Một số máy móc thiết bị thuộc Nhà máy đường số 2.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	91.967.326.675	Kỳ hạn vay 12 tháng, với khách ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 24 tháng 6 năm 2022. Lãi vay được trả hàng tháng.	6,2%- 6,62%	Dây chuyền thiết bị sản xuất sữa gạo lứt và hệ thống chiết rót đóng hộp.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thanh Hóa	25.000.000.000	Kỳ hạn vay 6 tháng, với khách ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 14 tháng 6 năm 2022. Lãi vay được trả hàng tháng.	7,15%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín- Chi nhánh Thanh Hóa	5.000.000.000	Kỳ hạn vay cho mỗi khách ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khách ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 25 tháng 2 năm 2022. Lãi vay trả hàng tháng.	5,7%	Một số hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn thuộc sở hữu của một cổ đông lớn.
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>500.587.719.884</u></b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Số đầu kỳ	830.153.818	931.026.027
Trích lập quỹ trong kỳ ( <i>Thuyết minh số 21</i> )	2.555.920.438	2.476.081.658
Sử dụng quỹ trong kỳ	(283.720.525)	(1.088.902.111)
Số cuối kỳ	<u>3.102.353.731</u>	<u>2.318.205.574</u>

**20. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Số đầu kỳ	30.724.252.017	46.206.416.116
Hoàn nhập quỹ trong kỳ	-	(800.000.000)
Sử dụng quỹ trong kỳ	(1.123.953.216)	(8.364.032.581)
Số cuối kỳ	<u>29.600.298.801</u>	<u>37.042.383.535</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**21.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>						
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	577.724.410.652	64.599.191.221	1.489.628.322.657
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	5.828.133.290	5.828.133.290
- Trích lập quỹ đầu tư, phát triển	-	-	-	2.476.081.658	(2.476.081.658)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.476.081.658)	(2.476.081.658)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	580.200.492.310	65.475.161.195	1.492.980.374.289
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>						
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	700.000.000.000	181.855.673.009	(25.442.046.725)	580.200.492.310	85.205.782.536	1.521.819.901.130
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	12.532.743.841	12.532.743.841
- Tái phát hành cổ phiếu quỹ (**)	-	9.599.659.792	25.442.046.725	-	-	35.041.706.517
- Trích lập quỹ đầu tư, phát triển (*)	-	-	-	2.555.920.437	(2.555.920.437)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(2.555.920.438)	(2.555.920.438)
- Giảm khác	-	-	-	-	(213.750)	(213.750)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	700.000.000.000	191.455.332.801	-	582.756.412.747	92.626.471.752	1.566.838.217.300

(\*) Công ty trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 336NQ/2021/ĐLS-ĐHĐCĐ của Công ty ngày 6 tháng 11 năm 2021.

(\*\*) Trong kỳ, Công ty đã hoàn thành việc tái phát hành 2.325.850 cổ phiếu quỹ căn cứ theo Nghị quyết số 190.NQ/ĐLS-HĐQT ngày 17 tháng 6 năm 2021 và Nghị quyết số 319.NQ/ĐLS-HĐQT ngày 8 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng Quản trị.

Cũng căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 336NQ/2021/ĐLS-ĐHĐCĐ, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua và giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện các thủ tục cần thiết để (i) xây dựng và hoàn thành phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2019/2020 và năm 2020/2021 với tỷ lệ 6,5% và (ii) xây dựng và hoàn thành phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 479:200 với giá chào bán là 10.000 VNĐ/cổ phiếu. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty chưa thực hiện các nội dung này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021			Ngày 30 tháng 6 năm 2021		
	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	700.000.000.000	700.000.000.000	-	700.000.000.000	700.000.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	191.455.332.801	191.455.332.801	-	181.855.673.009	181.855.673.009	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	(25.442.046.725)	(25.442.046.725)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>891.455.332.801</b>	<b>891.455.332.801</b>	<b>-</b>	<b>856.413.626.284</b>	<b>856.413.626.284</b>	<b>-</b>

**21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
	<b>Vốn cổ phần đã góp</b>	
Số đầu kỳ	700.000.000.000	700.000.000.000
Tăng vốn trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	<u>700.000.000.000</u>	<u>700.000.000.000</u>
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia/dã công bố</b>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (2020 - 2021: 10.000 VND/cổ phiếu).

**21.4 Cổ phiếu**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	<b>70.000.000</b>	<b>70.000.000</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>70.000.000</b>	<b>70.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)</b>	<b>-</b>	<b>(2.325.850)</b>
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>70.000.000</b>	<b>67.674.150</b>
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	67.674.150
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC**

**22.1 Nguồn kinh phí**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Số đầu kỳ	2.639.654.975	5.340.121.039
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	9.524.000.000	4.403.800.000
Chi trong kỳ	<u>(5.700.000.000)</u>	<u>(4.449.766.804)</u>
Số cuối kỳ	<u>6.463.654.975</u>	<u>5.294.154.235</u>

**22.2 Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Số đầu kỳ	20.176.085.970	22.791.118.534
Sử dụng quỹ	<u>(1.306.337.289)</u>	<u>(1.307.453.058)</u>
Số cuối kỳ	<u>18.869.748.681</u>	<u>21.483.665.476</u>

**23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (VND) (*)	1.816.925.282	181.890.230.000
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vật tư, hàng hóa giữ hộ bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	<i>156.201.472</i>	<i>49.793.000.000</i>
<i>Vật tư, hàng hóa giữ hộ bên khác</i>	<i>1.660.723.810</i>	<i>132.097.230.000</i>
2. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	-	16.571

(\*) Hàng hóa nhận giữ hộ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là giá trị của 111.000 kg đường, 80.640 kg mật rỉ và 210 thùng sữa gạo lứt Ojita được Công ty xuất bán cho khách hàng và đang được gửi tại kho của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>735.499.298.674</b>	<b>468.062.219.397</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	314.927.988.683	253.490.258.604
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	414.209.909.613	212.970.530.476
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	6.361.400.378	1.601.430.317
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>735.499.298.674</b>	<b>468.062.219.397</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ     cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	292.485.646.049	149.836.190.885
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ     cho các bên khác</i>	443.013.652.625	318.226.028.512

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Giá vốn của thành phẩm đã bán	284.859.840.776	217.696.151.130
Giá vốn của hàng hóa đã bán	371.480.016.033	207.363.679.207
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.793.698.789	1.394.646.827
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>661.133.555.598</b>	<b>426.454.477.164</b>

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Lãi tiền vay	4.285.055.974	6.769.730.182
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	12.414.871.112	400.000.000
Chi phí tài chính khác	3.046.289.945	1.126.373.003
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19.746.217.031</b>	<b>8.296.103.185</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân công	2.444.400.057	1.994.351.837
Chi phí vận chuyển	1.961.535.681	1.908.777.512
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.964.878.586	7.686.333.009
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.468.034.181	1.509.948.325
Chi phí bán hàng khác	1.373.581.325	1.060.731.977
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>24.212.429.830</b>	<b>14.160.142.660</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân công	8.957.539.386	5.538.201.997
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	3.237.562.255	2.151.737.190
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.529.831.472	3.415.252.173
Hoàn nhập quỹ khoa học công nghệ	-	(800.000.000)
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.976.952.740	4.009.396.715
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.701.885.853</b>	<b>14.314.588.075</b>

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	269.869.777.776	192.863.365.813
Chi phí nhân công	14.404.757.203	10.768.006.325
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	32.746.206.781	19.866.121.097
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.468.586.188	22.619.827.695
Chi phí khác	17.717.284.164	14.106.893.377
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>371.206.612.112</b>	<b>260.224.214.307</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Theo Công văn số 676/CT-TTHT ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa, Công ty được áp dụng thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") là 15% đối với thu nhập từ hoạt động chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía tại địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa kể từ năm tài chính 2015 trở đi. Công ty cũng được miễn thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp của Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn. Đối với thu nhập từ các hoạt động khác, thuế suất thuế TNDN là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận theo kế toán và lợi nhuận tính thuế:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>15.281.737.215</b>	<b>7.464.663.338</b>
<b>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán</b>		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Các khoản phạt	170.181.578	50.395.021
Chi phí của các nhà máy tạm dừng sản xuất	-	1.649.038.497
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách	70.000.000	70.000.000
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành</b>	<b>15.521.918.793</b>	<b>9.234.096.856</b>
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập chịu thuế suất 20%	8.678.220.414	5.044.559.261
Thu nhập chịu thuế suất 15%	6.755.661.943	4.184.121.303
Thu nhập chịu thuế suất 0%	88.036.434	5.416.292
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính trong kỳ hiện hành</b>	<b>2.748.993.374</b>	<b>1.636.530.048</b>
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	5.023.179.571	5.294.973.366
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(5.196.714.226)	(3.438.332.832)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ (Thuyết minh số 15)</b>	<b>2.575.458.719</b>	<b>3.493.170.582</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Công ty TNHH Thương mại và XNK Lam Sơn	Công ty con	Bán đường thành phẩm và hàng hóa	168.013.607.975	135.751.524.875
		Mua hàng hóa và dịch vụ	44.233.018.060	7.865.026.469
Công ty TNHH Thực phẩm công nghệ cao Tâm Phú Hưng	Công ty con	Góp vốn bằng tài sản	-	50.616.049.053
		Mua hàng hóa	374.128.700	2.136.920.060
		Bán hàng hóa	173.273.375	-
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Công ty con	Bán đường	3.376.471.428	13.291.493.952
		Mua phân bón	-	54.920.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước	Công ty con	Mua nguyên vật liệu	1.777.587.000	5.498.975.678
		Bán hàng hóa	12.039.384.061	-
Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn	Công ty con	Bán thành phẩm và cung cấp dịch vụ	52.317.878	619.879.099
Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	Công ty con	Bán thành phẩm	-	154.659.600
		cung cấp dịch vụ	-	10.000.000.000
		Vay dài hạn	-	-
		Mua mía	4.144.565.627	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Bán đường	108.820.030.000	66.045.348.564
Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn	Bên liên quan khác	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	62.387.200
		Bán thành phẩm	10.561.332	18.633.359
Công ty Cổ phần Brainmark	Bên liên quan khác	Chi phí dịch vụ tư vấn	-	6.675.620.000

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Công ty bán hàng và mua hàng đối với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ các khoản vay và cho vay có lãi suất, số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi từ các bên liên quan với số tiền là: 12.307.663.306 VND (tại ngày 30 tháng 6 năm 2021: 12.307.663.306 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ tài chính thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)</b>				
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	Công ty liên kết	Bán đường	2.921.603.000	2.921.603.000
Công ty TNHH Thương mại và XNK Lam Sơn	Công ty con	Bán đường	17.981.149.598	25.987.146.426
Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn	Bên liên quan khác	Bán đường	12.698.366	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>20.915.450.964</b>	<b>28.908.749.426</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)</b>				
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	Tạm ứng tiền mua nguyên liệu	17.865.483.352	18.297.027.769
Hiệp hội mía đường Lam Sơn	Cổ đông	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	602.251.760	115.477.050
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	Công ty liên kết	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	882.000.000	882.000.000
Công ty Cổ phần BrainMark	Bên liên quan khác	Ứng trước tiền nghiên cứu thị trường	-	1.441.227.397
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	Tạm ứng tiền sản xuất	-	653.901.183
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>19.349.735.112</b>	<b>21.389.633.399</b>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	Công ty con	Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)	28.607.000.000	28.257.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>28.607.000.000</b>	<b>28.257.000.000</b>

(\*) Đây là khoản cho vay tín chấp hưởng lãi suất 6,5%/năm và sẽ được hoàn trả toàn bộ vào ngày 30 tháng 6 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
<b><i>Phải thu khác (Thuyết minh số 6)</i></b>				
Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	Công ty con	Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh ngắn hạn	12.837.829.434	37.170.116.627
		Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh dài hạn	25.706.643.534	-
Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn	Công ty con	Các khoản chi hộ	11.133.791.396	12.425.918.143
Các cán bộ quản lý chủ chốt	Các cán bộ quản lý chủ chốt	Tạm ứng	4.407.703.303	8.695.325.166
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	Công ty liên kết	Phải thu tiền gốc vay	8.504.060.306	8.504.060.306
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>62.590.027.973</b>	<b>66.795.420.242</b>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14.1)</i></b>				
Công ty Cổ phần Phân bón Lam sơn	Công ty con	Phải trả tiền mua phân bón	42.162.097.348	23.809.462.348
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước	Công ty con	Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	6.300.116.685	-
Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn	Bên liên quan khác	Phải trả phí dịch vụ	80.177.867	10.466.253.650
Công ty TNHH Thương mại và XNK Lam Sơn	Công ty con	Phải trả phí dịch vụ	43.807.316	-
Hiệp hội mía đường Lam Sơn	Cổ đông lớn	Phải trả phí thường niên	-	55.256.290
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>48.586.199.216</b>	<b>34.330.972.288</b>
<b><i>Phải trả người bán dài hạn (Thuyết minh số 14.1)</i></b>				
Công ty Cổ phần Phân bón Lam sơn	Công ty con	Phải trả tiền mua phân bón	-	37.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>-</b>	<b>37.000.000.000</b>
<b><i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 14.2)</i></b>				
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Trả trước tiền mua đường	57.066.731.669	35.866.296.087
Công ty TNHH Lam Sơn – Sao Vàng	Công ty con	Trả trước tiền mua vật tư	157.070.000	157.070.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>57.223.801.669</b>	<b>36.023.366.087</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
<b>Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 17)</b>				
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Các cán bộ quản lý chủ chốt	Tiền thưởng do vượt kế hoạch lợi nhuận	9.954.946.150	9.954.946.150
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	Phải trả về mua cổ phần	858.313.943	858.313.943
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>10.813.260.093</b>	<b>10.813.260.093</b>
<b>Vay (Thuyết minh số 18)</b>				
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	Vay dài hạn (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>

(\*) Đây là khoản vay tín chấp với gốc vay và lãi vay được hoàn trả vào ngày 16 tháng 12 năm 2022. Theo Phụ lục hợp đồng số 01 HĐ/LASUCO – LSSV ngày 16 tháng 12 năm 2021, khoản vay này được gia hạn đến ngày 16 tháng 9 năm 2025. Lãi vay được tính theo lãi suất không kỳ hạn của Ngân hàng và được hoàn trả cùng thời điểm tất toán khoản vay.

**Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (Thuyết minh số 23)**

Công ty TNHH Thương mại và XNK Lam Sơn	Công ty con	Mật rỉ	156.201.472	-
Công ty Cổ phần Lam Sơn Bá Thước	Công ty con	Đường thành phẩm	-	6.550.500.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Đường thành phẩm	-	16.020.000.000
Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	Công ty con	Đường thành phẩm	-	23.842.500.000
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Công ty con	Đường thành phẩm	-	3.380.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>156.201.472</b>	<b>49.793.000.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

***Các giao dịch với các bên liên quan khác***

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Thu nhập (*)	
		Kỳ này	Kỳ trước
Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 6 tháng 11 năm 2021)	502.368.961	541.848.962
Ông Lê Văn Tân	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 6 tháng 11 năm 2021)/Tổng Giám đốc (đến ngày 6 tháng 11 năm 2021)	389.990.205	325.265.769
Ông Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch/Thành viên HĐQT	290.168.756	254.972.923
Bà Lê Thị Huệ	Thành viên HĐQT (từ ngày 6 tháng 11 năm 2021)	91.681.331	-
Ông Phùng Thanh Hải	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tân	Thành viên HĐQT	60.000.000	10.000.000
Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc (từ ngày 6 tháng 11 năm 2021)	77.985.346	-
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	195.530.342	189.392.054
Ông Lê Bá Chiêu	Phó Tổng Giám đốc	188.842.128	189.392.054
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	186.298.864	189.392.054
Ông Phạm Ngọc Quý	Phó Tổng Giám đốc	156.163.744	181.788.000
Ông Nguyễn Xuân Lam	Phó Tổng Giám đốc	190.803.253	186.788.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.389.832.930</b>	<b>2.128.839.816</b>

(\*) bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác

**31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp. Doanh thu các sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp chiếm tỷ trọng 100% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ của Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

***Các cam kết liên quan đến khoản đầu tư dài hạn***

Thực hiện Nghị quyết số 99 NQ/ĐLS – HĐQT ngày 5 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty, Công ty đã thành lập Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Lam Sơn với tổng vốn điều lệ được đăng ký là 26 tỷ VND do Công ty sở hữu 100% vốn để thực hiện các hoạt động kinh doanh, xuất nhập khẩu đường, các sản phẩm sau đường và các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã thực hiện góp vốn vào công ty con này với tổng số tiền là 9.862.396.042 VND và Công ty đang trong quá trình hoàn thành các thủ tục để góp bổ sung phần vốn điều lệ còn thiếu tại công ty con này.

***Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn***

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có cam kết khoảng 17,8 tỷ VND từ các hợp đồng mua máy móc thiết bị, vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

**33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty



Người lập  
Hồ Thị Hậu



Kế toán trưởng  
Đỗ Thị Thanh Hà



Tổng Giám đốc  
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2022